



拍痰（叩擊）注意事項(越南文) Nội dung chú ý khi vỗ đờm (vỗ)

一、叩擊目的(Mục đích vỗ đờm)

利用空氣振動原理，使積在肺部的痰液鬆動，再應用重力原理及改變身體姿勢，使附著在氣管上的痰液鬆動，將深部痰液咳出，除去呼吸道分泌物，進而增進或提昇呼吸型態，以改善肺部功能、支氣管炎及肺擴張不全等症狀。再藉由咳嗽或抽痰的方式清除分泌物，可促進痰液排出，促進肺部擴張。

Sử dụng nguyên lý độ rung không khí, khiến dịch đờm trong phổi long ra, tiếp đó ứng dụng nguyên lý trọng lực và thay đổi tư thế cơ thể, làm cho dịch đờm dính vào khí quản bị long ra, ho ra dịch đờm ở chỗ sâu, loại bỏ đi dịch bài tiết đường hô hấp, từ đó tăng cường hoặc nâng cao hình thái hô hấp, để cải thiện triệu chứng như: chức năng của phổi, viêm phế quản và giãn nở phổi không hoàn toàn. Tiếp tục thông qua phương thức ho hoặc hút đờm vệ sinh sạch chất bài tiết, có thể thúc đẩy xả dịch đờm, thúc đẩy phổi nở to.

二、適用對象(Đối tượng thích hợp)

(一) 肺部分泌物黏稠或量多者。

Người có chất bài tiết ở phổi đậm đặc hoặc quá nhiều

(二) 長期臥床或固定不動者。

Người nằm giường quá lâu hoặc cố định bất động

(三) 年紀大咳嗽能力差者。

Người cao tuổi khả năng ho bị kém

(四) 慢性阻塞性肺病、肺炎、支氣管擴張、肺塌陷等肺部疾病。

Bệnh về phổi như người bệnh nghẽn phổi mãn tính, viêm phổi, giãn phế quản, xẹp phổi...

三、那些情形不適合進行叩擊? Những tình huống không thích hợp vỗ đờm

當病人屬於下列疾病時，請勿冒然給予叩擊，以免造成病人不舒服或病情的惡化，應經醫師評估許可後才能進行。

Khi bệnh nhân thuộc những bệnh dưới đây, xin hãy đừng vội vỗ đờm, để tránh khiến bệnh nhân khó chịu hoặc bệnh tình xấu đi, cần sau khi bác sĩ đánh giá mới được thực hiện.

(一) 患有皮下氣腫、肺栓塞、肺膿瘍、氣胸、骨質疏鬆。

Với tràn khí dưới da, thuyên tắc phổi, áp xe phổi, tràn khí màng phổi, bệnh loãng xương.

(二) 曾接受大血管手術後，如心肺血管手術術後。

Từng phẫu thuật mạch máu, như sau khi phẫu thuật tim mạch tim phổi.

(三) 頭部損傷導致顱內壓升高時。

Khi tổn thương vùng đầu dẫn tới áp lực nội sọ tăng cao.

三軍總醫院 護理部 編印
胸腔內科

諮詢電話：(02) 24633330

- (四) 胸部肋骨骨折、胸部手術術後，或施行叩擊反而使病人疼痛者。
Người bị gãy xương sườn vùng ngực, sau khi phẫu thuật vùng ngực hoặc thực hiện vỗ đờm ngực lại khiến bệnh nhân bị đau.
- (五) 頸部、脊椎損傷者。
Người tổn thương vùng cổ, cột sống.
- (六) 有出血傾向：咳血、凝血因子不正常者。
Có khuynh hướng xuất huyết: người ho ra máu, yếu tố đông máu không bình thường.
- (七) 已知或懷疑為肺癌或肺轉移性疾病者。
Người đã biết hoặc nghi ngờ là ung thư phổi hoặc bệnh phổi di căn.

四、人工叩擊執行方式 **Phương thức thực hiện vỗ đờm thủ công**

- (一) 可利用手持拍痰杯（圖一）或將手指密合弓成杯狀（圖二），手腕放鬆，利用手腕關節自然彎曲的力量以手指邊緣叩擊胸壁，叩擊時會發出“波波”聲（注意掌心不應觸碰病人胸壁皮膚）。
Có thể dùng tay giữ cốc vỗ đờm (hình 1) hoặc ngón tay khom chụm lại hình chiếc cốc (hình 2), cổ tay thả lỏng, sử dụng lực cong gập tự nhiên khớp cổ tay dùng mép ngón tay gõ vào thành ngực, khi vỗ sẽ phát ra tiếng bộp bộp (chú ý lòng bàn tay không cần chạm vào da thành ngực bệnh nhân).



圖一 Hình 1



圖二 Hình 2

- (二) 雙手交替或單手叩擊，叩擊頻率約一秒鐘一下，叩擊背部特定部位每次 1~2 分鐘，才移至下一個叩擊位置，期間病人應配合做深呼吸、咳嗽將痰排出，如果病人無法將痰液咳出，可以抽痰方式將痰抽出。
Hai tay luân phiên hoặc vỗ một tay, tần suất vỗ khoảng 1 giây 1 lần, vỗ chỗ cụ thể trên lưng mỗi lần 1-2 phút, mới chuyển tới vị trí vỗ tiếp theo, vị trí vỗ hãy thực hiện theo kiến nghị của nhân viên chăm sóc y tế, không được vỗ vào xương cột sống, xương ngực, tim, thận. Mỗi lần có thể thực hiện 20-30 phút. Trong thời gian đó, bệnh nhân cần phối hợp thở sâu, ho khạc đờm ra, nếu bệnh nhân không thể ho khạc ra đờm, có thể hút đờm theo phương thức hút đờm.
- (三) 執行時間：進食前一個小時或飯後 2 小時實施，以免造成嘔吐。
Thời gian thực hiện: thực hiện vào 1 tiếng trước khi ăn hoặc 2 tiếng sau khi ăn, để tránh nôn mửa.
- (四) 執行頻率：一天約 3~4 次，可視痰液多寡來增減次數。
Tần suất thực hiện: mỗi ngày khoảng 3-4 lần, có thể tùy theo lượng dịch đờm nhiều hay ít tăng giảm số lần.

五、機械型拍痰儀使用方式 **(Phương thức sử dụng máy vỗ đờm)**

優點為較能提高治療過程中的舒適感受。

Ưu điểm là có thể nâng cao mức độ dễ chịu trong quá trình điều trị.

三軍總醫院 護理部 編印
胸腔內科

諮詢電話：(02) 24633330

- (一) 依病人需求調整機械型拍痰儀(圖三)調整震動頻率、時間、震動壓力，每次使用時都需再次確認震動頻率、時間、震動壓力是否正確。



圖三 Hình 3

Theo yêu cầu của bệnh nhân có thể điều chỉnh máy vỗ đờm (hình 3) điều chỉnh tần suất rung, thời gian, áp suất rung, khi mỗi lần sử dụng đều cần xác nhận lại tần suất rung, thời gian, áp suất rung có chính xác không.

- (二) 每次使用時間為 20-30 分鐘，一天約 3-4 次，可視痰液多寡來增減次數。
Thời gian mỗi lần sử dụng là 20-30 phút, mỗi ngày khoảng 3-4 lần, có thể tùy theo lượng đờm nhiều ít tăng giảm số lần.
- (三) 使用部位每次需左右側背部交替使用，於使用後觀察病人扣擊部位皮膚是否有異常。
Vị trí sử dụng mỗi lần cần luân phiên sử dụng phần lưng bên trái bên phải, sau khi sử dụng cần quan sát vùng da ở vị trí vỗ của bệnh nhân có bất thường hay không.

六、注意事項(Nội dung chú ý)

- (一) 執行者站的位置，應面向病人的臉，以便隨時觀察病人。
Vị trí người thực hiện đứng cần hướng về phía mặt của bệnh nhân, để tiện quan sát bệnh nhân bất cứ lúc nào.
- (二) 叩擊部位請依醫護人員建議，不可叩擊脊椎骨、胸骨、心臟、腎臟。
Vị trí vỗ xin hãy căn cứ vào khuyến nghị của nhân viên y tế, không thể vỗ vào cột sống, xương ức, tim, thận.
- (三) 執行拍痰時注意勿拉扯或壓迫鼻胃管、點滴注射管路及其他傷口引流管路。
Khi thực hiện vỗ đờm chú ý không kéo hoặc chèn ống thông mũi, ống truyền dịch và ống dẫn lưu vết thương khác.
- (四) 協助病人採取適當姿勢並予枕頭適當支托，儘量使脊椎平直、胸部擴張。若病人為側躺，則叩擊者站在面向病人側進行叩擊(圖四)。
Giúp đỡ bệnh nhân giữ tư thế hợp lý và lấy gối nâng đỡ thích hợp, Cố gắng giữ thẳng cột sống, phần ngực mở ra. Nếu bệnh nhân nằm nghiêng, Thì người vỗ đứng ở phía mặt hướng về bệnh nhân thực hiện vỗ (hình 4).



圖四 Hình 4

- (五) 若痰液太黏稠，可依醫囑先給予蒸氣或化痰藥物吸入後再執行叩擊，效果更好。
Nếu dịch đờm quá đặc, có thể theo lời dặn của bác sỹ cung cấp hơi hoặc thuốc hóa đờm để hít trước, sau đó mới thực hiện vỗ, hiệu quả tốt hơn.
- (六) 使用氧氣或易發紺的病人應持續維持氧氣提供。
Bệnh nhân sử dụng khí oxi hoặc dễ tím tái cần liên tục cung cấp khí oxi.
- (七) 叩擊時病人若有臉色發紺、胸悶、心悸、意識不清、呼吸困難、嘔吐、劇烈咳嗽或過



度疼痛時應立即停止，協助病人翻回正躺，並採半坐臥姿，且立即通知醫護人員。

Khi vỗ nắn bệnh nhân sắc mặt tím tái, khó thở, nôn mửa, ho dữ dội hoặc quá đau đớn cần lập tức dừng lại, giúp đỡ bệnh nhân lật lại nằm thẳng, đồng thời áp dụng tư thế nửa nằm nửa ngồi, hơn nữa lập tức thông báo cho nhân viên chăm sóc y tế.

(八) 叩擊後鼓勵病人將痰液咳出，或請護理人員協助抽痰。

Sau khi đấm khuyến khích bệnh nhân ho đờm ra, hoặc mời điều dưỡng hỗ trợ hút đờm.

參考資料(Tài liệu tham khảo)

沈季香、楊麗玉 (2020)・探討胸腔物理治療對肺部感染病人住院天數、醫療費用之影響・護理雜誌，67(2)，58-64。

Ntoumenopoulos, G., Hammond, N., Watts, N. R., Thompson, K., Hanlon, G., Paratz, J. D., & Thomas, P. (2018). Secretion clearance strategies in Australian and New Zealand intensive care units. *Australian Critical Care*, 31(4), 191-196.

Wang, T. H., Wu, C. P., & Wang, L. Y. (2018). Chest physiotherapy with early mobilization may improve extubation outcome in critically ill patients in the intensive care units. *The clinical respiratory journal*, 12(11), 2613-2621. <https://doi.org/10.1111/crj.12965>.

護理指導評值 **Mức đánh giá hướng dẫn điều dưỡng**

◎是非題 **Đề đúng sai**

1. () 叩擊目的，是利用空氣振動、重力原理及身體姿勢改變，使附著在氣管上的痰液鬆動，將深層痰液咳出？

Mục đích vỗ đờm là sử dụng nguyên lý rung không khí, nguyên lý trọng lực và thay đổi tư thế cơ thể, làm cho dịch đờm bám dính trên khí quản long ra, dịch đờm ở chỗ sâu được ho ra?

2. () 執行拍痰時注意勿拉扯或壓迫鼻胃管、點滴注射管路及其他傷口引流管路？執行時注意勿拉扯或壓迫鼻胃管、點滴注射管路及其他傷口引流管路？

Khi thực hiện vỗ đờm chú ý không kéo lôi hoặc chèn vào ống thông mũi, ống truyền dịch và ống dẫn lưu vết thương khác?

3. () 當痰液太黏稠，可依醫囑先給予蒸氣或化痰藥物吸入後，再執行叩擊，效果會更好？

Khi dịch đờm quá đậm đặc, có thể xông hơi hoặc uống thuốc long đờm theo lời dặn của bác sỹ sau đó mới thực hiện vỗ đờm, hiệu quả sẽ tốt hơn?

◎選擇題 **Đề lựa chọn**

4. () 叩擊時，執行者站的位置為何？

三軍總醫院 護理部 編印
胸腔內科

諮詢電話：(02) 24633330



(1)應面向病人的臉，以便隨時觀察病人；(2)背對面向病人的臉，以便隨時觀察病人。

Khi vỗ, vị trí đứng của người thực hiện là chỗ nào?

- (1) Căn hướng về mặt của bệnh nhân, để luôn luôn quan sát bệnh nhân
(2) quay lưng về mặt của bệnh nhân, để luôn luôn quan sát bệnh nhân.

5. () 叩擊時病人若有下列哪些症狀，應立即停止，立即通知醫護人員？

- (1)臉色發紺；(2)胸悶、心悸、意識不清；(3)呼吸困難；(4)以上皆是。

Khi vỗ đờm nếu bệnh nhân có những triệu chứng dưới đây, cần lập tức dừng lại, lập tức thông báo cho nhân viên y tế ?

- (1) Sắc mặt tím tái ; (2) Tức ngực, đánh trống ngực, bất tỉnh ; (3) Khó thở ;
(4) Tất cả đều đúng

6. () 叩擊需在哪一個時間點執行？

- (1)進食前一個小時；(2)飯後 2 小時；(3)以上皆是，以免造成嘔吐。

Vỗ đờm cần thực hiện vào thời gian nào ?

- (1) 1 tiếng trước khi ăn vào ; (2) 2 tiếng sau khi ăn ; (3) Tất cả đều đúng để tránh nôn mửa.

(答對 5-6 題⇒完全了解；答對 3-4 題⇒部分了解；答對 1-2 題⇒完全不瞭解)

(Trả lời đúng 5-6 câu → Hiểu hoàn toàn ; trả lời đúng 3-4 câu → hiểu một phần ,
Trả lời đúng 1-2 câu → Hoàn toàn không hiểu).

1. (O) 2. (O) 3. (O) 4. (1) 5. (4) 6. (3)

三軍總醫院 護理部 編印
胸腔內科

諮詢電話：(02) 24633330